Tiết PPCT: *Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BÀI 9: ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

*Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

***Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn nhận cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi , câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định.

- Viết được bài văn kể lại một chuyến đi đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ, tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.

- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi về một vấn đề của đời soongsm thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

***Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. KIẾN THỨC**

* Khái niệm truyện lịch sử.
* Khái niệm bối cảnh( thời gian- không gian), cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ,.. trong truyện lịch sử.
* Kĩ năng đọc truyện lịch sử.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học .

**TIẾT 1 : TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2.** **Năng lực riêng:**

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của thể loại truyện lịch sử.

**3.Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

**2.** **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS cùng theo dõi video theo link sau và chia sẻ cảm nghĩ của mình nhé !

https://www.youtube.com/watch?v=jbyJ4p132hQ

***c. Sản phẩm:***

Câu trả lời của HS: Cảm xúc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS theo dõi Video Tiếng đàn bầu và chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem xong Video.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS theo dõi video, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi.

GV theo dõi, quan sát HS

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm xúc của HS:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu****:*

- Hệ thống tri thức đọc hiểu về đặc điểm văn bản truyện lịch sử

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS trình bày theo nhóm kết quả mà nhóm đã chuẩn bị ở nhà theo phiếu học tập đã giao, để hệ thống tri thức thể loại .

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. TRI THỨC NGỮ VĂN:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho Học sinh theo phiếu học tập sau:*    *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong PHT để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Nhiệm vụ : Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + HS đặt câu hỏi phản biện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức .  Gv nhấn mạnh những đặc điểm của thể loại văn bản : .... | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN:**  1.Khái niệm truyện lịch sử  *Truyện lịch sử* là loại truyện **lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,… )** làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống **dậy bức tranh rộng lớn, sinh động** về một thời đã qua và mang lại cho người đọc **những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.**  2.Đặc điểm của truyện lịch sử  - Về **cốt truyện:**  **+ Cốt truyện đơn tuyến :** là cốt truyện có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất.  **+ Cốt truyện đa tuyến:** là cốt truyện có tới hai chuỗi sự kiện trở lên , gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật tạo thành nhiều tuyến truyện đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau.  **+ Cốt truyện trong lịch sử:** là cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động , phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong cùng một chương/ hồi của truyện.  **-Bối cảnh:**  **+ Thời gian:** Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm.  **+Không gian:** Không gian truyện lịch sử gắn với thời gian, xác định niên đại, thơi đại cụ thể.  **-Nhân vật:**  **+ Nhân vật chính:** là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trinh lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia. Tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử.  **+ Nhân vật phụ:** thường do người viết bổ sung, có thể không có vài trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.  **-Ngôn ngữ:**Thường mang đậm sắc thái lịch sử. |

**TIẾT 2+ 3: VĂN BẢN 1. HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**-Ngô gia văn phái-**

**A .MỤC TIÊU**

**I. Về kiến thức**

-Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

-Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

-Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

**II. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của cốt truyện đa tuyến và cốt truyện đơn tuyến.

1. **Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu thích truyện lịch sử.

- Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

(?) Em biết gì về thời Vua Lê – Chúa Trịnh hay về những chiến công của Hoàng đế Quang Trung. Hãy chia sẻ cùng các bạn

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ, thể loại của tác phẩm.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản “Hoàng Lê Nhất Thống Chí”.  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại,....  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về tác giả.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả: Ngô gia văn phái**  *Là một nhóm các nhà văn Việt Nam thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai , huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam  (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ). Ngô Chi Thất và Ngô Trân là người đề xướng và dựng nên Văn phái, về sau được mệnh danh là Ngô gia văn phái, gồm 20 tác giả thuộc 9 thế hệ, trên dưới 200 năm, từ đầu thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ thứ 20.* |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe phần trình bày của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - In trong Hoàng lê nhất thống chí  - Thể loại: Truyện lịch sử |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Cốt truyện, các tuyến sự kiện** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và phân tích được cốt truyện và các tuyến sự kiện của văn bản.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, kĩ thuật động não để nhận biết và phân tích được cốt truyện và các tuyến sự kiện của văn bản.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhóm của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *?Vẽ sơ đồ tóm tắt chuỗi sự kiện chính trong đoạn trích Hồi thứ hai và hồi thứ mười bốn. Chỉ ra mối liên hệ giữa hai đoạn trích.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - S*ơ đồ tóm tắt của HS*  - Mối liên hệ giữa hai đoạn trích:  - **Hai hồi là hai tuyến truyện có tính độc lập nhất định nhưng liên quan mật thiết với nhau.**  *(1) Tuyến thứ nhất là chuỗi sự kiện diễn ra nơi phủ chúa – cung vua (trong đoạn trích tập trung vào chuỗi sự kiện kiêu binh nổi loạn giết Quận Huy, truất ngôi Trịnh Cán, đưa Trịnh Tông lên ngôi); (2) tuyến thứ hai là chuỗi sự kiện về cuộc xâm lược nước ta của nhà Thanh; Vua Quang Trung đại phá quân Thanh; sự thảm bại và cuộc trốn chạy của đội quân xâm lược nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống (trong đoạn trích tập trung vào cuộc đại phá quân Thanh của Vua Quang Trung).*  - **Mặt khác, giữa các sự kiện trong Hồi thứ hai và Hồi thứ mười bốn có mối quan hệ nhân quả .**  *Chẳng hạn: Sự lục đục trong phủ chúa; xung đột quyền lợi giữa phủ chúa – cung vua và nỗi sợ hãi trước sức mạnh của Vua Quang Trung, nhà Tây Sơn (nguyên nhân) dẫn đến sự cầu viện nhà Thanh của Vua Lê Chiêu Thống (kết quả); cuộc xâm lược của đội quân nhà Thanh cùng sự bạc nhược, phản trắc của vua tôi Lê Chiêu Thống (nguyên nhân) dẫn đến việc Quang Trung lên ngôi vua, tiến quân ra Bắc, đại phá quân Thanh (kết quả).* |
| **2. Nhân vật Vua Quang Trung, nghệ thuật kể chuyện, tình cảm của tác giả** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và chỉ ra đặc điểm của nhân vật vua Quang Trung, nghệ thuật kể chuyện( cách sử dụng ngôi kể, kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật,...), tình cảm của tác giả .  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT khăn phủ bàn tìm hiểu nhân vật vua Quang Trung, nghệ thuật kể chuyện, tình cảm của tác giả .  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập và trình bày sản phẩm  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 1  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi:  (?) Nét tính cách nổi bật của nhân vật Vua Quang Trung được thể hiện trong văn bản là gì? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật nét tính cách ấy.  (?)Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của tác giả (chú ý cách sử dụng ngôi kể, kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật,... ).  (?)So sánh thái độ, tình cảm của tác giả khi viết về Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn và về anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh; Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh. Theo em, cách thể hiện thái độ như vậy có phù hợp với truyện lịch sử hay không? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thái độ của tác giả** | **Thể hiện trong truyện** | | Với Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn |  |  | | Với anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh |  |  | | Với Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh. |  |  | | => Nhận xét: | | | | **a. Nhân vật vua Quang Trung**  **- Nhà cầm quân tài ba, mưu lược.**  (Phân tích một số chi tiết về nét tính cách tài ba, mưu lược: thể hiện qua các kế sách đầy mưu lược).  **- Nhà chỉ huy quân sự tự tin, quyết đoán.**  (Phân tích một số chi tiết về nét tính cách tự tin, quyết đoán: ví dụ về kế sách hành quân, tiến đánh thần tốc, việc mở tiệc khao quân, lời hẹn quân sĩ ăn Tết ở Thăng Long,…).  **- Vị hoàng đế/anh hùng “ trăm trận trăm thắng”.**  (Phân tích một số chi tiết về nét cốt cách anh hùng “ trăm trận trăm thắng” : ví dụ phân tích tương quan lực lượng, sự thảm bại của đội quân nhà Thanh, các trận thắng liên tiếp khiến uy danh lẫy lừng,… …).  **b. Nghệ thuật kể chuyện**  Tác giả sử dụng ngôi kể thứ ba kết hợp với lời kể của các nhân vật để cho ta thấy được câu chuyện đa chiều và tường minh hơn. Không gian câu chuyện cũng được mở rộng ra , thông qua lời từng nhân vật ta thấy được tính cách và con người con của vua Quang Trung toàn diện hơn, đặc sắc hơn.  **c. Tình cảm của tác giả**  **- Với Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn:**  **+ Thái độ của tác giả:** nể trọng, ngợi ca  **+ Thể hiện trong truyện:** Cách tường thuật, miêu tả tính kỉ luật, dũng mãnh, cách thể hiện chân dung Hoàng đế Quang Trung như một anh hùng chiến trận, một vị vua mưu lược, bách chiến bách thắng,…  **-Với anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh:**  **+ Thái độ của tác giả:** phê phán  **+ Thể hiện trong truyện:** Cách tường thuật, miêu tả cảnh kiêu binh phò Trịnh Tông lên ngôi như một trò hề khôi hài, chưa từng thấy trong các nghi lễ đăng quang của hoàng đế,…  **- Với Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh:**  **+ Thái độ của tác giả:** phê phán, chế giễu  **+ Thể hiện trong truyện:** Cách tường thuật, miêu tả các cảnh thua trận, đặc biệt là cảnh chạy trốn nhục nhã của chúng.  **=>Nhận xét:** Cách thể hiện thái độ phù hợp với truyện lịch sử. |
| **3. Nhận thức về nhân vật, bối cảnh** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của nhân vật và bối cảnh trong văn bản  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để hoàn thành PHT số 2  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *(?) Qua văn bản, em hiểu thêm điều gì về Vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh của nhân dân ta?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Phiếu học tập số 2***   |  |  | | --- | --- | | ***Nhận thức về nhân vật, bối cảnh*** | | | *Về vua Quang Trung* | *Về cuộc kháng chiến chống quân Thanh* | |  |  | | **a. Về vua Quang Trung:**  - Là người anh hùng dân tộc đã lập nên kì tích xưa nay chưa từng có: với nghệ thuật dùng binh, tài thao lược, chỉ trong năm ngày đã đập tan đội quân xâm lược nhà Thanh, đuổi chúng về nước,…  **b.Về cuộc kháng chiến chống quân Thanh:**  - Cho dù vua tôi Lê Chiêu Thống hèn hạ, “ôm chân” nhà Thanh xâm lược, quan dân ta thời ấy vẫn nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường và truyền thống đấu tranh bất khuất dưới sự lãnh đạo của Vua Quang Trung. |
| **4. Sự khác biệt giữa cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và phân tích được sự khác biệt giữa cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** đặt câu hỏi, HS trả lời:  *(?) So sánh cốt truyện trong văn bản trên đây với cốt truyện trong một văn bản mà em đã đọc, chỉ ra điểm khác biệt và điểm tương đồng (nếu có) giữa cốt truyện đa tuyến với cốt truyện đơn tuyến.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Lập bảng so sánh hoặc đối chiếu hai sơ đồ cốt truyện đa tuyến (đã thực hiện ở câu 1) và cốt truyện đơn tuyến của truyện đã chọn. (4) HS chỉ ra điểm khác biệt (và tương đồng nếu có) giữa hai dạng cốt truyện trong sự liên hệ với ngữ liệu VB Hoàng Lê nhất thống chí và tác phẩm có cốt truyện đơn tuyến đã chọn |
| **III. Tổng kết** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Nội dung:**  - Văn bản“Hoàng Lê nhất thống chí” đã ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta,  tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.  **2. Nghệ thuật:**  -Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng.  -Khắc họa hình tượng Nguyễn Huệ một cách rõ nét, mang đậm màu sắc sử thi.  -Kể lại các sự kiện một cách rành mạch, chân thực, khách quan, kết hợp yếu tố miêu tả với biện pháp nghệ thuật so sánh, đối lập.  - Miêu tả hành động, lời nói của nhân vật, từng trận đánh và những mưu lược tính toán, thế đối lập giữa hai đội quân một cách cụ thể. |

**3. Hoạt đông 3: Luyện tập/ Vận dụng**

**1. Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ ***Ngôi sao may mắn***”

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi “ Ngôi sao may mắn ” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: **Văn Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?**

**A.** Truyện ngắn **B.** Truyện lịch sử

**C.** Truyền thuyết **D.** Truyện ngắn

**Câu 2**: **Đoạn trích Hoàng Lê nhất thống chí thuộc hồi thứ bao nhiêu?**

**A.** Hồi thứ 2 **B.** Hồi thứ 14

**C.** Hồi thứ 12 **D.** Hồi thứ 2 và hồi thứ 14

**Câu 3**: **Cuộc chiến của vua Quang Trung trước giặc nào của Trung Quốc?**

**A.** GiặcThanh    **B.** Giặc Minh

**C.** Giặc Ngô **D.** Giặc Hán

**Câu 4**: **Thái độ của vua tôi Lê Chiêu Thống khi giặc Thanh bị tiêu giệt?**

**A.** Vua tôi Lê Chiêu Thống xin cầu hòa trước vua Quang Trung

**B.** Vua tôi Lê Chiêu Thống chịu trận trước quân Tây Sơn

**C.** Vua tôi Lê Chiêu Thống chạy trốn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 5.** **Ý nói đúng nhất nội dung của Hồi thứ mười bốn (trích Hoàng Lê nhất thống chí) là gì?**

**A.** Ca ngợi hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ

**B.** Nói lên sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

**C.** Nói lên số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 6**: **Tướng giặc Tôn Sĩ Nghị hèn nhát, thảm hại như như thế nào ?**

A. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao.

B. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…phảI nhờ thổ dân dẫn qua đường tắt chạy tháo thân.

C. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…dẫm đạt lên quân chạy thoát thân.

D. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…bị đứt cầu phao chết dưới sông.

**Câu 7.** **Vì đâu mà vua tôi Lê Chiêu Thống lại lâm vào tình trạng của kẻ vong quốc ?**

A. Vì tham lam muốn mở rộng biên thuỳ.

B. Vì mưu lợi riêng của dòng họ đã đem vận mệnh của dân tộc đặt vào tay quân xâm lược.

C. Vì bỏ chạy theo quân Tôn Sĩ Nghị.

D.Vì vua Lê Chiêu Thống không còn tư cách của bặc quân vương

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**2. Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Dựa vào văn bản, hãy viết đoạn văn ngắn miêu tả lại chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 đến ngày mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước văn bản 2.

**VĂN BẢN 2. VIÊN TƯỚNG TRẺ VÀ CON NGỰA TRẮNG - Nguyễn Huy Tưởng -**

**A .MỤC TIÊU**

**I. Về kiến thức**

-Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

-Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

-Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

**II. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của cốt truyện đa tuyến và cốt truyện đơn tuyến.

1. **Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu thích truyện lịch sử.

- Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết kế bài giảng;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

(?) Xem video https://www.youtube.com/watch?v=Vt6frPcNkAI&t=32s và chia sẻ suy nghĩ cùng các bạn

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ, thể loại của tác phẩm.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại,....  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về tác giả.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả: Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960)** | |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe phần trình bày của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: trích từ các chương VIII, IX, X, XI, XIII  - Thể loại: Truyện lịch sử | |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | | |
| **1. Tóm tắt cốt truyện, các tuyến sự kiện** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết, tóm tắt cốt truyện và chỉ ra các tuyến sự kiện của văn bản.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, kĩ thuật động não để nhận biết, tóm tắt cốt truyện và các tuyến sự kiện của văn bản.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhóm của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *?*Tóm tắt các sự kiện trong văn bản trên và cho biết các sự kiện được kể theo mấy tuyến. Đó là những tuyển nào? Điền vào PHT số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | Tuyến 1 | Tuyến 2 | |  |  | | - 2 tuyến  - (1)Trở về từ thuyền sau khi gặp vua và các tướng lĩnh nhưng không có kết quả, Hoài Văn chiêu mộ lính, lập một đội quân riêng của mình. Họ không đi đánh giặc theo lệnh vua mà tự mình đi tìm giặc để đánh, với khẩu hiệu “Phá cường địch báo hoàng ân”.  - (2) Đội quân vượt bao khó khăn đi tìm và phát hiện chúng dãy núi Ma Lục. Họ phục kích và dành được chiến thắng lớn. Hoài Văn còn hóa giải hiểu nhầm và kết tình anh em với Thế Lộc .Tiếp đó, Hoài Văn lại cứu được chú mình là Chiêu Thành Vương đánh trận bị mai phuc. Chiêu Thành Vương tự hào và mãn nguyện vô cùng vì có người cháu nhỏ tuổi, tài cao.   |  |  | | --- | --- | | Tuyến 1 | Tuyến 2 | | Kể về đoàn quân của Hoài Văn và trận đánh của liên quân Thế Lộc và Hoài Văn | Kể về câu chuyện của Chiêu Vương Thành đi đánh đuổi Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc kẻ đầu hàng quân Nguyên nhưng bị phục kích, bất ngờ đội quân của Hoài Văn đã tới ứng cứu và giết hết quân giặc giải vòng vây cứu chú. | | |
| **2. Nội dung** | | |
| **a. Mục tiêu**:  -Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT mảnh ghép để hướng dẫn  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập và trình bày sản phẩm  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi:  (?) Em hãy xác định nội dung bao quát của văn bản?  Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Nội dung bao quát của văn bản nói về vị tướng trẻ Hoài Văn Hầu một vị anh hùng anh dũng hiên ngang chiến đấu với quân giặc bảo vệ đất nước trước quân giặc, một người anh hùng chính trực căm ghét những người phản quốc. Khi thấu Chiêu Vương Thành đánh đuổi quân phản quốc gặp nạn thì ông không suy nghĩ nhiều về lợi ích hay mệnh lệnh được giao sẵn sàng ứng cứu. Đây là những trận chiến vì đất nước vì nhân dân.  - Đây là thể loại truyện lịch sử vì có dấu mốc thời gian và các sự kiện trong quá khứ về các trận đánh. | |
| **3. Nhân vật** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm tính cách của nhân vật  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để hoàn thành PHT số 2  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *(?) Hãy kể tên các nhân vật có trong truyện? Cho biết nhân vật chính là ai?*  *(?) Nêu những nét tính cách nổi bật của nhân vật Hoài Văn Hầu?*  *(?)Theo em, sự xuất hiện của các nhân vật như Thế Lộc, Chiêu Thành Vương có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Hoài Văn Hầu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Phiếu học tập số 2***   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ***Tính cách nhân vật* Hoài Văn Hầu** | | | | | | |  |  |  |  |  |  | | - Các nhân vật: Hoài Văn Hầu, Chế Lộc, Chiêu Thành Vương, đoàn quân...  - Nhân vật chính: Hoài Văn Hầu  - Tính cách nổi bật:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ***Tính cách nhân vật* Hoài Văn Hầu** | | | | | | | Can đảm | dũng cảm | hiên ngang | quyết đoán | yêu nước | sẵn sàng chiến đấu |   => Sự xuất hiện của các nhân vật có tác dụng thể hiện tính tình và lòng yêu nước, nhân cách của Hoài Văn Hầu.Ta có thể thấy được nhiều mặt tính cách của nhân vật xem xét nómột cách toàn vẹn. | |
| **4. Chủ đề** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết tác dụng của hình ảnh trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** đặt câu hỏi, HS trả lời:  *(?) Hình ảnh lá cờ thêu sáu chữ vàng, con ngựa trắng và đoàn quân gồm toàn những chàng trai trẻ....Việc lặp lại các hình ảnh này có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?*  *(?) Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể, cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...)*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Tác dụng xây dựng hình tượng nhân vật điển hình đó ca ngợi người tướng trẻ cùng đoàn quân anh dũng tràn đầy nhựa sống cùng với con ngựa, lá cờ luôn kề bên mỗi lần phất cao ngọn cờ, tiếng ngựa hí là một lần đoàn quân trẻ dành được thắng lợi. | |
| **5. Nhận xét nghệ thuật viết truyện lịch sử** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhậnxét nghệ thuật viết truyện lịch sử  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng PP đàm thoại  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể, cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...)*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | Ngôi kể sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể câu chuyện chân thật, mang đến nhiều góc nhìn toàn diện về nhân vật.  Cách quan sát và miêu tả: tinh tế, kĩ lưỡng tái hiện nhân vật toàn cảnh trận đấu và nhân vật diễn ra trong trận chiến.  Tái hiện bối cảnh lịch chân thật cùng ngôn từ sắc lạnh, quả quyết, ngắn ngọn, súc tích |
| **III. LUYỆN TẬP** | | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khắc sâu kiến thức thông qua trò chơi Đi tìm nguồn cội  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Tác giả của văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng là ai?*  *- Nhân vật Hoài Văn Hầu có nét tính cách nổi bật nào?*  *- Trong văn bản chủ đề được biểu hiện thông qua những hình ảnh nào?*  *- Những dấu hiệu nào cho biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử?*  *- Các sự kiện trong văn bản được kể theo mấy tuyến?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | *- Tác giả của văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng là ai?*  A: Nguyễn Huy Tưởng  - Nhân vật Hoài Văn Hầu có nét tính cách nổi bật nào?  A: Can đảm, dũng cảm, hiên ngang, quyết đoán yêu nước  *- Trong văn bản chủ đề được biểu hiện thông qua những hình ảnh nào?*  D: Cả A,B,C  -Những dấu hiệu nào cho biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử?  C: Dấu mốc thời gian và các sự kiện trong quá khứ  - Các sự kiện trong văn bản được kể theo mấy tuyến?  B: 2 | |
| **Vận dụng** | | |
| **a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** bảng so sánh  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Theo em, hình tượng nhân vật Hoài Văn Hầu mà nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong văn bản trên có những điểm trong đồng và khác biệt nào so với hình tượng Hoài Văn trong Đại Nam quốc sử diễn ca?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản  **HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | | |

**BÀI 9 : ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ**

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI :

**BẾN NHÀ RỒNG NĂM ẤY**

**Sơn Tùng**

**I/ MỤC TIÊU**

**1/ Về kiến thức**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Sơn Tùng và tiểu thuyết lịch sử *Búp sen xanh*.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, bối cảnh, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

**2/ Về năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*; *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để nắm rõ đặc điểm thể loại truyện lịch sử.

**3/ Về phẩm chất**

- Rèn luyện và phát huy phẩm chất yêu nước, trân trọng lịch sử và tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc qua hình ảnh Bác Hồ.

- Học tập và làm theo tấm gương của Bác. Hình thành phẩm chất trách nhiệm với tập thể, với đất nước.

**II/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi.

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video, trò chơi có liên quan đến nội dung tiết học

**III/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu** :Học sinh có những hiểu biết và làm tăng sự thích thú của các em về kiến thức bài học qua trò chơi **Những bông hoa hỏi em điều gì** ?

**b. Nội dung** : Câu hỏi có liên quan đến Bác Hồ.

**c. Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh và đánh giá, nhận xét của các học sinh khác.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi **Những bông hoa hỏi em điều gì ?**.

Thể lệ : Mỗi học sinh xung phong tham gia bằng cách giơ tay. Nếu học sinh trả lời sai, học sinh khác có thể giúp bạn trả lời lại. Học sinh trả lời đúng, khen thưởng bằng sự vỗ tay của các bạn.

**Lưu ý :** *Giáo viên nên thực hiện theo thứ tự từng bông hoa để kiến thức liên tục thời thời gian.*

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh xung phong chọn thứ tự của từng bông hoa. Giáo viên mở yêu cầu câu hỏi. Học sinh trả lời đúng thì khen ngợi học sinh, nếu sai thì khuyến khích và cho học sinh khác tiếp sức.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định :**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

**Kết nối vào bài :** Các em thân mến, trò chơi **Những bông hoa hỏi em điều gì** đã cung cấp cho chúng ta những hiểu biết sơ lược về khoảng thời gian Bác Hồ chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng lịch sử. Bên cạnh những hiểu biết chính xác từ kiến thức ghi chép về tiểu sử, niên biểu của lãnh tụ Hồ Chí Minh, câu chuyện *Bến Nhà Rồng năm ấy* của tác giả Sơn Tùng sẽ cho chúng ta một cái nhìn mới mẻ hơn về chuyến đi lịch sử năm ấy qua thể loại truyện. Với văn bản này, chúng ta sẽ kết nối với 2 văn bản chính của chủ điểm **Âm vang của lịch sử** để hiểu rõ hơn về đặc điểm của thể loại truyện lịch sử. Nào, bây giờ chúng ta hãy bắt đầu bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm. Nhắc lại bàng phân công nhiệm vụ cho các nhóm ở tiết học trước để chuẩn bị vào tiết học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** | **Gợi ý hình thức thực hiện** |
| 1 | Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm ở mục Tìm hiểu chung | Thiết kê video hoặc trình bày bằng ứng dụng power point. |
| 2 | Xác định các sự việc chính xảy ra trong văn bản. | Ghi nhận vào tập soạn. |
| 3 | Cho biết bối cảnh của câu chuyện và mục đích chuyến đi của nhân vật anh Ba | Ghi nhận vào bảng phụ của nhóm. |
| 4 | Xác định tính cách nhân vật anh Ba khi trò chuyện với nhân vật anh Tư Lê. | Ghi nhận vào bảng phụ của nhóm. |
| 5 | Xác định tính cách nhân vật anh Ba khi trò chuyện với nhân vật thuyền trưởng Lu-I Ê-đu-a Mai-sen. | Ghi nhận vào bảng phụ của nhóm. |
| 6 | Tác dụng của việc sử dụng các danh từ riêng và nhất là đoạn giới thiệu chi tiết về con tàu Đô đốc la-tu-sơ Tơ-rê-vin… | Ghi nhận vào bảng phụ của nhóm. |

**Tiến trình thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **I/ TÌM HIỂU KHÁI QUÁT**  **Mục tiêu** : Giúp học sinh tìm hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.  **Nội dung** : Sơ lược về tác giả : tiểu sử, thành tựu,…; tác phẩm : xuất xứ, thể loại, yếu tố biểu đạt,…  **Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc video, ứng dụng power point,…  **Tổ chức thực hiện :** | |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm qua các thiết bị điện tử hoặc trình bày sự hiểu biết của các em khi đã chuẩn bị sẵn ở nhà.  Nội dung : Năm sinh, năm mất, quê quán của tác giả. Thành tựu trong cuộc đời.  - Xuất xứ, năm sáng tác, thể thơ, yếu tố biểu đạt, chủ đề, nội dung….  b. Thực hiện nhiệm vụ : Nhóm 1 được phân công chuẩn bị ở nhà trả lời.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 1 trình bày.  - Nhóm khác nghe và bổ sung.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  - **Tác giả** : Sơn Tùng, tên đầy đủ là Bùi Sơn Tùng (sinh năm 1928 tại Nghệ An, mất lúc 23h05 ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hà Nội), ông là nhà văn Việt Nam với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa Việt Nam, trong đó nổi tiếng nhất là tiểu thuyết lịch sử *Búp sen xanh* viết về cuộc đời Hồ Chí Minh. Xem thêm.  - **Tác phẩm** : *Búp sen xanh* là tiểu thuyết đầu tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng nhất của nhà văn Sơn Tùng. Xây dựng nên hình tượng Hồ Chí Minh từ khi cất tiếng khóc chào đời tại Làng Chùa quê ngoại tới khi rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, tác phẩm được tác giả dày công sưu tầm tư liệu có liên quan và chấp bút trong thời gian dài, bắt đầu từ năm 1948 và hoàn thành năm 1980. Xem thêm.  **Hoạt động 2 : Đọc tác phẩm**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc tác phẩm. Có thể tổ chức cho học sinh đọc phân vai để giúp học sinh nắm rõ cốt truyện. Gồm : người dẫn chuyện, vai anh Ba, vai anh Tư Lê và vai thuyền trưởng.  **H** : Khi đọc truyện lịch sử, em cần chú ý những vấn đề gì ?  + Xác định và nhận xét cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ.  + Xác định các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật; làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.  + Tìm hiểu nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản.  Lưu ý giới thiệu và nhận xét học sinh giọng đọc : rõ ràng, lời nhân vật có sự biểu cảm phù hợp.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu các chú thích : nhân vật *anh Ba, Các (card)*  a. Chuyển giao nhiệm vụ : Giáo viên tổ chức cho học sinh xác định các sự việc chính xảy ra trong văn bản.  Nội dung : Sắp xếp các sự việc xảy ra trong văn bản theo trình tự đúng với nội dung văn bản. Cho biết đây là cốt truyện đơn tuyến hay cốt truyện đa tuyến.  1. Anh Ba rủ anh Tư Lê sang Pháp tìm hiểu rồi trở về giúp đồng bài đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước.  2. Anh Tư Lê từ chối lời mời gọi của anh Ba.  3. Anh Ba nói với anh Tư Lê về mục đích của chuyến đi.  4. Anh Ba đến xin việc tại con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin.  5. Anh Ba đọc được bài giới thiệu về con tàu qua tập sách của thuyền trưởng.  6. Thuyền trưởng đồng ý nhận anh Ba làm việc trên tàu với vị trí phụ bếp.  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm nhỏ cùng bàn trong 2 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 2 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  + 1 🡪 3 🡪 2 🡪 4 🡪 6 🡪 5  + Cốt truyện đơn tuyến.  **Giáo viên** : Từ các sự việc tiêu biểu trong câu chuyện, chúng ta sẽ đi sâu tìm hiểu về bối cảnh và nhân vật chính : anh Ba. | **1/ Tác giả**  - Sơn Tùng (1928 - 2021), tên đầy đủ là Bùi Sơn Tùng, quê quán : Nghệ An.  **2/ Tác phẩm**  - Xuất xứ : Trích từ tác phẩm *Búp sen xanh.*  - Thể loại : tiểu thuyết lịch sử. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II/ NỘI DUNG VĂN BẢN**  **Mục tiêu** : Giúp học sinh tìm hiểu về nội dung tác phẩm thể hiện qua nhân vật chính : anh Ba. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.  **Nội dung** : Nội dung văn bản.  **Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc bảng phụ sơ đồ tư duy, phiếu học tập,…..  **Tổ chức thực hiện :** | |
| **Hoạt động 1: Bối cảnh câu chuyện**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về bối cảnh câu chuyện và đối chiếu với tiểu sử, niên biểu của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nêu lên mục đích chuyến đi của anh Ba.  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm lớn trong 3 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 3 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Trong câu chuyện** | **Tiểu sử của Bác Hồ** | | Không gian, thời gian (Bối cảnh) | Sự việc : anh Ba chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước.  Không gian : bến cảng Nhà Rồng.  Thời gian : hè năm 1911. | Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi trên con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình cứu nước. Trong sổ lương của tàu tên anh là Văn Ba. | | Mục đích chuyến đi | -*Tôi muốn sang Pháp để được nhìn tận mắt người dân Pháp họ sống thế nào, đằng sau những cái chữ tự do, bình đẳng, bác ái…*  -*Sau khi xem xét họ làm ăn thế nào, chúng mình trở về giúp đồng bào đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước, giành độc lập, tự do…* | Trang 14, sách Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp, ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, NXB Sự thật in : “*Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp : tự do, bình đẳng, bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy*”. |   **Giáo viên :** Câu chuyện có sự kết hợp yếu tố miêu tả và sáng tạo thêm cuộc trò chuyện với nhân vật anh Tư Lê nhưng vẫn bám sát vào yếu tố lịch sử về không gian, thời gian và mục đích chuyến ra đi tìm đường cứu nước của Bác từ Bến cảng Nhà Rồng.  **Hoạt động 2: Nhân vật anh Ba.**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về nhân vật anh Ba bằng việc ghi nhận vào bảng phụ của nhóm  Nội dung : Tính cách của nhân vật anh Ba khi trò chuyện với nhân vật anh Tư Lê và thuyền trưởng Lu-i Ê-đu-a Mai-sen.  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm lớn trong 3 phút và trình bày vào bảng phụ của nhóm.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 4, 5 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  + Khi trò chuyện với anh Tư Lê : anh Ba là người yêu nước, mong muốn giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân bằng chính sức lực và trí lực của mình, không ngại khó khăn gian khổ, có trách nhiệm : dám nghĩ dám làm.  + Khi tiếp xúc với thuyền trưởng Lu-i Mai-sen : anh Ba khiến người khác trọng nể với sự thông minh, có hiểu biết. Anh không nề hà, gian khổ dù phải làm công việc phụ bếp vất vả. Quyết tâm, kiên định thực hiện lí tưởng của bản thân, một lòng vì đất nước.  **H** : Nhân vật anh Ba chính là Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam ta. Vậy từ hình ảnh anh Ba, em có suy nghĩ gì về Bác cũng như trách nhiệm của bản thân đối với đất nước ?  Gợi ý :  - Sự kính yêu với Bác.  - Nghĩa vụ đối với quốc gia, dân tộc. | **1/ Bối cảnh câu chuyện**  Anh Ba chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước từ Bến càng Nhà Rồng năm 1911.  **2/ Nhân vật anh Ba**  + Khi trò chuyện với anh Tư Lê : anh Ba là người yêu nước, mong muốn giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân bằng chính sức lực và trí lực của mình, không ngại khó khăn gian khổ, có trách nhiệm : dám nghĩ dám làm.  + Khi tiếp xúc với thuyền trưởng Lu-i Mai-sen : anh Ba khiến người khác trọng nể với sự thông minh, có hiểu biết. Anh không nề hà, gian khổ dù phải làm công việc phụ bếp vất vả. Quyết tâm, kiên định thực hiện lí tưởng của bản thân, một lòng vì đất nước. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III/ ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI : TRUYỆN LỊCH SỬ**  **Mục tiêu** : Giúp học sinh nắm rõ đặc điểm thể loại truyện lịch sử của bài 9. Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*; *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để nắm rõ đặc điểm thể loại truyện lịch sử.  **Nội dung** : Nội dung văn bản và kết nối với các văn bản cùng thể loại trong bài 9.  **Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc bảng phụ sơ đồ tư duy.  **Tổ chức thực hiện :** | |
| **Hoạt động 1 : Đặc điểm thể loại từ văn bản**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu đặc điểm truyện lịch sử qua việc bám sát sự kiện lịch sử và địa danh, thời gian, không gian lịch sử,…  Nội dung : Tác dụng của việc sử dụng các danh từ riêng và nhất là đoạn giới thiệu chi tiết về con tàu Đô đốc la-tu-sơ Tơ-rê-vin…  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận cùng bàn trong 2 phút.  c. Báo cáo kết quả :  + Đại diện nhóm 6 trả lời.  + Nhóm khác nhận xét và bổ sung.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm : Việc sử dụng các danh từ riêng như Cảng Nhà Rồng, Lu-i Ê-đu-a Mai-sen,…, các số liệu về kích cỡ, trọng tải, cấu trúc nội thất tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin;… có tác dụng làm cho câu chuyện có tính chân thực, khác quan, đúng với thực tế chứ không phải là tác giả tưởng tượng, hư cấu.  **Hoạt động 2 : Đặc điểm truyện lịch sử**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu đặc điểm truyện lịch sử ở các văn bản trong bài 9.  - Từ các văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí, Viên tướng trẻ và con ngựa trắng và Bến Nhà Rồng năm ấy*, em hãy nêu ra nhận xét của mình về : khái niệm, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện lịch sử ?  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh trả lời câu hỏi của giáo viên, có thể tham khảo lại nội dung **Tri thức ngữ văn**.  c. Báo cáo kết quả :  - Học sinh trả lời.  - Học sinh còn lại nhấn mạnh hoặc bổ sung.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  - Khái niệm : truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính.  - Bối cảnh : tái hiện lại khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Không gian cũng gắn với thời gian cụ thể ấy.  - Cốt truyện : gồm đơn tuyến và đa tuyến.  - Nhân vật : tái hiện cuộc đời một cách chân thực nhưng có thể tưởng tượng thêm về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói,…  - Ngôn ngữ : mang đậm sắc thái lịch sử qua cách kể chuyện, miêu tả, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật. | - **Khái niệm** : truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính.  - **Bối cảnh** : tái hiện lại khoảng *thời gian* năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. *Không gian* cũng gắn với thời gian cụ thể ấy.  - **Cốt truyện** : gồm đơn tuyến và đa tuyến.  - **Nhân vật** : tái hiện cuộc đời một cách chân thực nhưng có thể tưởng tượng thêm về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói,…  - **Ngôn ngữ** : mang đậm sắc thái lịch sử qua cách kể chuyện, miêu tả, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi mà giáo viên đưa ra bằng cách trình bày suy nghĩ trực tiếp hoặc viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**- Chuyển giao nhiệm vụ :** Giáo viên nêu yêu cầu hoạt động.

**Nội dung :** Nêu suy nghĩ của em về một trong ba nhân vật : Quang Trung (*Quang Trung đại phá quân Thanh*), Hoài Văn (*Viên tướng trẻ và con ngựa trắng*), anh Ba (*Bến Nhà Rồng năm ấy*).

**- Thực hiện nhiệm vụ :** Học sinh suy nghĩ cá nhân.

**- Báo cáo kết quả :** Học sinh trình bày suy nghĩ cá nhân trước lớp hoặc trình bày theo đoạn văn đã chuẩn bị.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề giáo viên đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu thêm về tiểu sử, niên biểu cũng như sự nghiệp cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

- Giáo viên cho học sinh tự làm theo nhóm hoặc làm cá nhân ở nhà và sẽ kiểm tra ở tiết học sau qua việc báo cáo của các nhóm trưởng.

**BÀI 9 : ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ**

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM :

**ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA**

**Lê Ngô Cát – Phạm Đình Toái**

**I/ MỤC TIÊU**

**1/ Về kiến thức**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái và tác phẩm *Đại Nam quốc sử diễn ca*.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

**2/ Về năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*; *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để hiểu hơn về chủ điểm Âm vang của lịch sử.

**3/ Về phẩm chất**

Rèn luyện và phát huy phẩm chất yêu nước, trân trọng lịch sử và tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi.

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video, trò chơi có liên quan đến nội dung tiết học

**III/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu** :Học sinh có những hiểu biết và làm tăng sự thích thú của các em về kiến thức nhân vật , sự kiện lịch sử qua các câu đố, hình ảnh có liên quan bằng trò chơi **Kiến về tổ**

**b. Nội dung** : Câu đố dân gian, tranh ảnh về nhân vật, sự kiện lịch sử qua trò chơi **Kiến về tổ**.

**c. Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh và đánh giá, nhận xét của các học sinh khác.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi **Kiến về tổ**.

Thể lệ : Mỗi học sinh xung phong tham gia bằng cách giơ tay. Nếu học sinh trả lời sai, học sinh khác có thể giúp bạn trả lời lại. Học sinh trả lời đúng, khen thưởng bằng sự vỗ tay của các bạn.

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh xung phong chọn thứ tự con kiến cần giúp về tổ. Giáo viên mở yêu cầu câu hỏi. Học sinh trả lời đúng thì kiến được về tổ, nếu sai thì học sinh khác tiếp sức.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định :**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

**Kết nối vào bài :** Các em thân mến, trò chơi Kiến về tổ đã khiến chúng ta bồi hồi nhớ về các nhân vật, sự kiện lịch sử thật hào hùng của dân tộc Việt Nam ta. Cùng với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* bài học hôm nay là một đoạn thơ kết nối với chủ điểm Âm vang của lịch sử sẽ giúp các em trân trọng và tự hào hơn về lịch sử của đất nước với hơn bốn nghìn năm văn hiến. Mời các em đến với đoạn trích từ văn bản đọc kết nối chủ điểm : *Đại Nam quốc sử diễn ca* của tác giả Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm. Nhắc lại bàng phân công nhiệm vụ cho các nhóm ở tiết học trước để chuẩn bị vào tiết học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** | **Gợi ý hình thức thực hiện** |
| 1 | Tìm hiểu về tác giả | Thiết kê video hoặc trình bày bằng ứng dụng power point. |
| 2 | Tìm hiểu về tác phẩm | Thiết kê video hoặc trình bày bằng ứng dụng power point. |
| 3, 4 | Tìm điểm giống và khác nhau về hình tượng nhân vật Thánh Gióng ở truyền thuyết đã học lớp 6 và được thể hiện qua bài diễn ca | Thực hiện bảng phụ phân tích sự giống và khác nhau về : không gian, thời gian, các sự việc chính, dấu tích để lại,… |
| 5 | Tìm chi tiết thể hiện phẩm chất anh hùng của Hai Bà Trưng qua bài diễn ca. | Trình bày bằng phương pháp phỏng vấn nhóm, thuyết trình,… |
| 6 | Liệt kê các văn bản đã học trong bài 9. Từ nội dung các văn bản, em nghĩ gì về tầm quan trọng của việc hiểu biết lịch sử dân tộc. | Trình bày bằng kĩ thuật sơ đồ tư duy hay trình bày 1 phút, khăn trãi bàn,… |

**I/ TÌM HIỂU CHUNG**

**Mục tiêu** : Giúp học sinh tìm hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**Nội dung** : Sơ lược về tác giả : tiểu sử, thành tựu,…; tác phẩm : xuất xứ, thể thơ, yếu tố biểu đạt,…

**Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc video, ứng dụng power point,…

**Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu về tác giả**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về tác giả qua các thiết bị điện tử hoặc trình bày sự hiểu biết của các em khi đã chuẩn bị sẵn ở nhà.  Nội dung : Năm sinh, năm mất, quê quán của tác giả. Thành tựu trong cuộc đời.  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm nhỏ cùng bàn trong 2 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 1 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  - Tác phẩm này theo lời bạt của bản in năm 1870 thì tác giả nguyên thủy là Lê Ngô Cát làm với 1887 câu lục bát (3774 dòng), được án sát tỉnh Bình Định Phạm Đình Toái sửa lại thành 1027 câu.  - Về tác giả Lê Ngô Cát, tiểu sử ghi ông quê ở xã Hương Lang, huyện Chương Đức, tỉnh Hà Nội (nay là xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội), đậu cử nhân năm Mậu Thân 1848 bổ làm việc trong Quốc sử Quán. Ông còn có thời gian làm quan án sát tỉnh Cao Bằng.  - Còn về Phạm Đình Toái, ông quê ở Nghệ An, đậu cử nhân năm 1843, làm án sát tỉnh Bình Định, sau thăng đến Hồng lô Tự khanh, là chức Trưởng quan của Hồng Lô tự của Nhà Nguyễn, chuyên lo việc nghi lễ trong các khoa thi cử như xướng danh, yết bảng.  **Hoạt động 2 : Tìm hiểu về tác phẩm**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc tác phẩm. Giáo viên đọc mẫu 1 lần và cho 2 – 3 học sinh đọc lại.  Lưu ý giới thiệu và nhận xét học sinh giọng đọc : hùng hồn nhưng nhẹ nhàng, tự hào.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu các chú thích : *phong vân, đề binh, nợ trần hoàn, cố viên, hồng quần, chinh yên.*  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về tác phẩm qua các thiết bị điện tử hoặc trình bày sự hiểu biết của các em khi đã chuẩn bị sẵn ở nhà.  Nội dung : Xuất sứ, năm sáng tác, thể thơ, yếu tố biểu đạt, chủ đề, nội dung….  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm nhỏ cùng bàn trong 2 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 2 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  - Xuất xứ : Trích từ “Đại Nam quốc sử diễn ca”  - Tác phẩm này được thực hiện theo lệnh của vua Tự Đức.  - Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm. Bản chữ Quốc ngữ đầu tiên cũng xuất hiện năm 1870 do Trương Vĩnh Ký diễn âm.  - Tác phẩm viết theo thể lục bát, chép lịch sử dân Việt từ Kinh Dương Vương và họ Hồng Bàng đến hết nhà Lê.  - Yếu tố biểu đạt chính : Tự sự.  - Nội dung : kể 2 sự kiện lịch sử Chuyện Phù Đổng Thiên Vương và Hai Bà Trưng dựng nền độc lập. | **1/ Tác giả**  - Tác giả ban đầu : Lê Ngô Cát, quê quán : Hà Nội. Đậu cử nhân năm Mậu Thân 1848 bổ làm việc trong Quốc sử Quán.  - Tác giả chỉnh sửa : Phạm Đình Toái, quê quán : Nghệ An.  **2/ Tác phẩm**  - Xuất xứ : Trích từ “Đại Nam quốc sử diễn ca”  - Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm theo thể thơ lục bát.  - Yếu tố biểu đạt chính : Tự sự. |

**II/ TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**Mục tiêu** : Giúp học sinh tìm hiểu sơ lược về nội dung tác phẩm. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập. Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

**Nội dung** : Nội dung văn bản.

**Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc bảng phụ sơ đồ tư duy, phiếu học tập bằng kĩ thuật khăn trãi bàn,….

**Tổ chức thực hiện :**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Hình tượng người anh hùng Thánh Gióng**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về nhân vật Thánh Gióng bằng phiếu học tập. **(Câu hỏi 1 / SGK)**  Nội dung : điểm giống và khác nhau về hình tượng nhân vật Thánh Gióng ở truyền thuyết đã học lớp 6 và được thể hiện qua bài diễn ca  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm lớn trong 3 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 3, 4 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Truyền thuyết** | **Diễn ca** | | Không gian, thời gian | Thời gian : vua Hùng thứ sáu.  Không gian : làng Gióng | Thời gian : vua Hùng thứ sáu.  Không gian : làng Phù Đổng | | Thánh Gióng ra đời và lớn lên | Kể chi tiết : lí do và quá trình bà mẹ mang thai, sinh con,… | Kể ra đời và lớn lên : không nói, không cười. | | Thánh Gióng ra trận đánh giặc và chiến thắng | Sự giúp đỡ nhân dân nuôi Gióng lớn lên.  Gióng nhổ tre đánh giặc,.. | Vũ khí : áo giáp, gậy sắt và việc nhổ tre đánh giặc chưa kể chi tiết | | Thánh Gióng về trời | Gióng cởi giáp sắt để lại và về trời | Gióng cởi áo nhung (có thể hiểu giáp sắt) để lại và về trời | | Dấu xưa còn lại | Tre đằng ngà, ao hồ làng Phù Đổng, vua phong Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu thờ… | Có ghi nhận miếu đình, cố viên. | | Điểm tương đồng | Từ truyện kể trong truyền thuyết đến nội dung đoạn diễn ca đều tập trung làm nổi bật thời điểm, địa điểm và công trạng của người anh hùng làng Gióng. | | | Điểm khác biệt | Do đặc điểm ngắn gọn, hàm súc và hợp vần của thơ ca nên vài sự việc có điểm khác biệt. | |   **Hoạt động 2: Hình ảnh Hai Bà Trưng**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu về nhân vật Hai Bà Trưng bằng kĩ thuật khăn trãi bàn kết hợp trình bày 1 phút trong nhóm.  Nội dung : Tìm chi tiết (câu thơ) thể hiện phẩm chất anh hùng của Hai Bà Trưng qua bài diễn ca. Nêu ý nghĩa của chi tiết ấy. **(Câu hỏi 2 / SGK)**  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh thảo luận nhóm lớn trong 3 phút và trình bày.  c. Báo cáo kết quả :  - Đại diện nhóm 5 trình bày.  - Nhóm khác nhận xét.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :   |  | | --- | | Ý kiến bạn thứ nhất  Ý kiến bạn 2  Thô ………  ………… |   - Giáo viên gợi mở học sinh qua các câu hỏi sau :  + Em hiểu thế nào về phẩm chất anh hùng ? Người mang phẩm chất anh hùng có điểm khác nào về ý chí, hành động, mục đích,…..so với người bình thường ?  + Những biểu hiện của phẩm chất anh hùng ở Hai Bà Trưng là gì ?  + Chi tiết em chọn đã làm nổi bật biểu hiện nào về phẩm chất anh hùng của Hai Bà Trưng ?  GV đánh giá :  + *Chị em nặng….tướng quân* : Hai bà giữ vững lời thề, Trưng Trắc thay chồng cầm quân đánh đuổi giặc ngoại xâm.  *+ hồng quần nhẹ bước chinh yên* : Dù phận gái, nhưng hai bà đã lập nên kì tích với chiến công oanh liệt : đánh tan đội quân xâm lược do Tô Định cầm đầu, mang lại sự yên ổn toàn vẹn cho đất nước. | **1/ Hình tượng người anh hùng Thánh Gióng**  **-** Từ truyện kể trong truyền thuyết đến nội dung đoạn diễn ca đều tập trung làm nổi bật thời điểm, địa điểm và công trạng của người anh hùng làng Gióng. Người anh hùng có công đánh đuổi giặc Ân xâm lược ra khỏi bờ cõi vào đời vua Hùng thứ sáu.  **2/ Hình ảnh Hai Bà Trưng**  - Hai bà giữ vững lời thề, Trưng Trắc thay chồng cầm quân đánh đuổi giặc ngoại xâm.  - Dù phận gái, nhưng hai bà đã lập nên kì tích với chiến công oanh liệt : đánh tan đội quân xâm lược do Tô Định cầm đầu, mang lại sự yên ổn toàn vẹn cho đất nước. |

**III/ TỔNG KẾT**

**Mục tiêu** : Giúp học sinh nội dung và đặc điểm thể thơ lục bát và khái quát lại chủ điểm bài 9. Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*; *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để hiểu hơn về chủ điểm Âm vang của lịch sử.

**Nội dung** : Nội dung văn bản và kết nối chủ điểm.

**Sản phẩm** : Câu trả lời của học sinh hoặc bảng phụ sơ đồ tư duy.

**Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1 : Tổng kết văn bản**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và đặc điểm hình thức của thể thơ lục bát.  - Cho biết đặc điểm của thể thơ lục bát. Sử dụng thể thơ này đem lại những thuận lợi cũng như hạn chế gì khi thể hiện nội dung văn bản ?  - Đoạn trích đã nêu lên nội dung gì về hai sự kiện lịch sử : Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân xâm lược và Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ?  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh trả lời câu hỏi của giáo viên.  c. Báo cáo kết quả : Học sinh trả lời  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  **-** Thể thơ lục bát với 1 dòng thơ 6 chữ và 1 dòng 8 chữ. Cách gieo vần và luật bằng trắc giúp người đọc dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ. Việc thể hiện bằng thơ khiến nội dung sự việc có ý nghĩa hàm súc hơn, người đọc cần tham khảo thêm các thể loại khác như truyện lịch sử, truyền thuyết, …để nắm rõ sự việc.  - Đoạn trích đã làm nổi bật chí khí anh hùng và tinh thần yêu nước bất diệt của nhân dân ta qua hai sự kiện lịch sử tiêu biểu : Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân xâm lược ở thời Hùng Vương thứ sáu và Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh tan quân Hán do tên thái thú Tô Định cầm đầu.  **Hoạt động 2 : Kết nối chủ điểm**  a. Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho học sinh tìm hiểu điểm kết nối giữa 3 văn bản vừa học trong bài 9.  - Nêu lại tên và tác giả của 2 văn bản vừa học ở phần đọc.  - Từ nội dung các văn bản đã học, em nghĩ gì về tầm quan trọng của việc hiểu biết lịch sử dân tộc. **(Câu hỏi 3 / SGK)**  b. Thực hiện nhiệm vụ : Học sinh trả lời câu hỏi của giáo viên bằng việc trình bày lại kết quả đã chuẩn bị trước.  c. Báo cáo kết quả :  - Học sinh nhóm 6 trả lời bằng sơ đồ tư duy.  - Học sinh các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.  d. Đánh giá nhiệm vụ : Giáo viên tổng hợp và đánh giá.  Gợi ý sản phẩm :  - Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia Văn Phái.  - Viên tướng trẻ và con ngựa trắng của Nguyễn Huy Tưởng.  - Đại Nam quốc sử diễn ca của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái.  - Điểm chung :  + Giá trị lịch sử làm nên giá trị dân tộc bởi mỗi quốc gia có một quá trình dựng nước và giữ nước khác nhau. Giá trị lịch sử được thể hiện ở quá trình gây dựng đất nước của ông cha ta, là niềm tự hào của dân tộc khi chiến thắng giặc ngoại xâm để bảo vệ nước nhà.  + Bác Hồ đã nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta cùng nhau giữ lấy nước”.  + Mỗi cá nhân chúng ta hôm nay cần phải biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế. | **1/ Nghệ thuật**  **-** Thể thơ lục bát giúp người đọc dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ.  **2/ Nội dung**  - Đoạn trích đã làm nổi bật chí khí anh hùng và tinh thần yêu nước bất diệt của nhân dân ta qua hai sự kiện lịch sử tiêu biểu : Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân xâm lược ở thời Hùng Vương thứ sáu và Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh tan quân Hán do tên thái thú Tô Định cầm đầu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi trắc nghiệm mà giáo viên đưa ra bằng cách chọn đáp án đúng nhất.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Câu 1 : Chuyện Phù Đổng Thiên Vương là kể về nhân vật lịch sử nào dưới đây trong truyện truyền thuyết mà em đã học ?

**A. Truyền thuyết Thánh Gióng.**  B. Truyền thuyết Hùng Vương thứ sáu.

C. Truyền thuyết về làng Phù Đổng D. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.

Câu 2 : Chiến công của Phù Đổng Thiên Vương là gì ?

A. Nghe vua cầu tướng ra quân thì thưa với mẹ được đi đánh giặc.

B. Tạo ra được gươm vàng, ngựa sắt để đi đánh giặc.

**C. Đánh tan giặc xâm lược vào thời vua Hùng thứ sáu.**

D. Để lại áo nhung và bay về trời.

Câu 3 : Quê quán của Hai Bà Trưng ở đâu ?

**A. châu Phong** B. Long Biên C. Mê Linh D. Lĩnh Nam

Câu 4 : Kết quả cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là gì ?

A. *Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành*.

B. *Đô kì đóng cõi Mê Linh*

C. *Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta*.

**D. Cả 3 ý thơ trên.**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề giáo viên đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu thêm về các nhân vật lịch sử hay sự kiện lịch sử trong tác phẩm *Đại Nam quốc sử diễn ca*. Viết đoạn văn nêu lên cảm nghĩ của em về một trong những nhân vật lịch sử ấy.

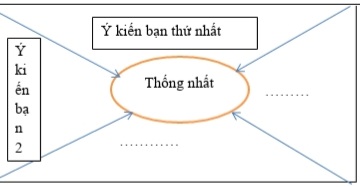
- Giáo viên cho học sinh tự làm theo nhóm hoặc làm cá nhân ở nhà và sẽ kiểm tra ở tiết học sau qua việc báo cáo của các nhóm trưởng.

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

PHIẾU HỌC TẬP 1 :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Truyền thuyết** | **Diễn ca** |
| Không gian, thời gian |  |  |
| Thánh Gióng ra đời và lớn lên |  |  |
| Thánh Gióng ra trận đánh giặc và chiến thắng |  |  |
| Thánh Gióng về trời |  |  |
| Dấu xưa còn lại |  |  |
| Điểm tương đồng |  | |
| Điểm khác biệt |  | |

PHIẾU HỌC TẬP 2



**BÀI 9: ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(CÂU KỂ, CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM;**

**CÂU KHẲNG ĐỊNH, CÂU PHỦ ĐỊNH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Nhận biết đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- *Năng lực tự chủ và tự học:* nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các bài tập trong SGK; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề*: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

**2. Phẩm chất**

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách cách sử dụng các kiểu câu trong Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- SGK, SGV.

- Các tài liệu tham khảo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề** *( 5 phút)*

**1. Mục tiêu**

* + - * + Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.
        + HS xác định được mục tiêu của bài học.

**2. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “***Ai nhanh hơn***” thời gian 5 phút, GV đặt câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm với nội dung xoay quanh các ví dụ về các kiểu câu. HS bằng sự hiểu biết của mình sẽ nhận biết hoặc đoán các đáp án đúng.

**Câu 1: Chức năng chính của câu trần thuật là gì?**

A. Để hỏi

B. Yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo

**C. Kể, thông báo, nhận định, miêu tả**

D. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

**Câu 2: Câu trần thuật sau dùng để làm gì?**

“Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương”

**A. Kể**

B. Miêu tả

C. Thông báo

D. Nhận định

**Câu 3: Dấu hiệu nhân biết câu nghi vấn:**

A. Có từ "hay" để nối các vế có quan hệ lựa chọn.

B. Có các từ nghi vấn.

C. Khi viết ở cuối câu có dấu chấm hỏi.

**D. Một trong các dấu hiệu trên đều đúng.**

**Câu 4: Câu nào là câu nghi vấn?**

A. Giấy đỏ buồn không thắm / Mực đọng trong nghiên sầu.

**B. Con có nhận ra con không?**

C. Không ai dám lên tiếng khi đối diện với hắn.

D. Nó bị điểm không vì quay cóp trong giờ kiểm tra.

**Câu 5: Dòng nào dưới đây nói đúng nhất dấu hiệu nhận biết câu cảm thán?**

A. Sử dụng từ ngữ nghi vấn và dấu chấm hỏi ở cuối câu.

B. Sử dụng ngữ điệu cầu khiến và dấu chấm than ở cuối câu.

**C. Sử dụng từ ngữ cảm thán và dấu hiệu chấm than ở cuối câu.**

D. Không có dấu hiệu hình thức đặc trưng.

**Câu 6:** **Trong các câu sau câu nào là câu cảm thán:**

**A. Thương thay cũng một kiếp người!**

B. Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

C. Tiến lên chiến sĩ, đồng bào!

D. Một người đã khóc vì chót lừa một con chó.

**Câu 7: Đâu là chức năng tiêu biểu của câu cầu khiến là gì?**

A. Dùng để bộ lộ cảm xúc.

**B. Dùng để yêu cầu, đề nghị, ra lệnh**

C. Dùng để hỏi.

D. Dùng để kể.

**Câu 8: Trong những câu sau, câu nào là câu cầu khiến:**

A. Trời ơi! Sao nóng lâu thế?

B. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

**C. Bỏ rác đúng nơi quy định.**

D. Chao ôi! Một ngày vắng mẹ sao dài đằng đẵng.

**Câu 9: Dòng nào nói đúng nhất dấu hiệu nhận biết của câu phủ định?**

A. Là câu có những từ ngữ cảm thán như: biết bao, ôi, thay…

B. Là câu có sử dụng dấu chấm than khi viết.

**C. Là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chẳng, chưa…**

D. Là câu có ngữ điệu phủ định.

- HS trả lời bằng cách chọn đáp án đúng.

- GV dẫn dắt chuyển sang bài mới.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Đọc các câu hỏi và thực hiên yêu cầu.

- HS chọn đáp án đúng.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Dẫn dắt vào kiến thức về các kiểu câu sẽ học.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. Tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức trò chơi “Mảnh ghép hoàn hảo”

- HS thảo luận theo nhóm.

- HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thảo luận, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm sẽ có một túi bao gồm: các thẻ tên khái niệm, thẻ đặc điểm, thẻ chức năng.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ:**

HS làm việc theo nhóm: nhanh chóng ghép các thẻ (khái niệm – đặc điểm – chức năng)

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- Nhóm nào ghép xong trước xung phong lên trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét bổ sung.

**B4. Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm cộng và chuyển dẫn sang mục sau.

**HĐ 3 : Luyện tập**

**II. Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức về các kiểu câu vào thực hành làm bài tập.

**b. Nội dung:**

GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong SGK

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS làm viêc cá nhân theo yêu câu của bài tập: Tìm trong VB Viên tướng trẻ và con ngựa trắng ba câu hỏi, ba câu kể, dấu hiệu nhận biết các kiểu câu đó và điền vào bảng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nói to suy nghĩ của mình.  - HS bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**  **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu văn** | **Kiểu câu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | Chúng bay..đâu? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (đâu), kết thúc dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | Bại tướng…đó sao? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (sao), kết thúc dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | Người tướng …chăng? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (chăng), kết thúc dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | Hoài Văn Hầu…phau. | Câu kể | Kết thúc dấu chấm, nội dung kể. | | Lá cờ…ngược gió. | Câu kể | Kết thúc dấu chấm, nội dung kể. | | Vương ngước lên …miệng. | Câu kể | Kết thúc dấu chấm, nội dung kể. | |
| **Bài tập 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS làm viêc cá nhân theo yêu câu của bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nói to suy nghĩ của mình.  - HS bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức. | **Bài tập 2:**  a. Đoạn văn là lời của vua Quang Trung nói với các tướng sĩ.  b. Câu khiến (từ ngữ cầu khiến: nhớ lấy, đừng)  Tác dụng: thể hiện niềm tin của nhà vua, làm lan tỏa niềm tin, khích lệ sự phấn chấn, tinh thần quyết chiến, quyết thắng cho tướng sĩ và quân lính. |
| **Bài tập 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thảo luận cập đôi theo yêu cầu bài tập.  - Khuyến khích HS tìm được càng nhiều câu chuyển đổi càng tốt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - HS bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức.  **Bài tập 4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đoạn văn và xác định câu khẳng định, câu phủ định và điền vào bảng.  - GV gợi mở để HS nêu được một số tác dụng của câu khẳng định, câu phủ định trong đoạn văn tren.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân trả lời ý a.  - HS thảo luận cặp đôi nêu tác dụng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả.  - HS bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức. | **Bài tập 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu văn** | **Kiểu câu** | **Dấu hiệu** | | Nam đang đọc truyện lịch sử đấy à? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (à), kết thúc dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | Ồ, Nam chăm đọc truyện lịch sử quá! | Câu cảm | Từ biểu cảm (ồ, quá), kết thúc dấu chấm than, nội dng biểu cảm. | | Nam hãy đọc truyện lịch sử đi! | Câu cầu khiến | Từ cầu khiến (hãy, đi), kết thúc dấu chấm than, nội dung cầu khiến. |   **Bài tập 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiểu câu** | **Câu văn** | **Dấu hiệu nhận biết** | | Câu khẳng định | Khi quân…cũng chạy nốt | - Khẳng định các hành động trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu.  - Không có sự xuất hiện của các từ ngữ phủ định. | | Câu phủ định | Vua Quang Trung…**không** tên nào trốn thoát.  Bởi vây, **không hề**…có ai chạy…**không biết** gì cả. | - Phủ nhận các hành động trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu.  - Sử dụng các từu ngữ phủ định như: không, không hề, không biết. |   - Sự kết hợp đan xen các câu khằng định và phủ định trong đoạn văn tường thuật diễn biến trận đánh có tác dụng làm cho việc miêu tả, tái hiện các sự kiện lịch sử được rõ rang, chính xác. |

**HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức để đặt câu khẳng định và phủ định.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập 5.

- HS trả lời suy nghĩ và trả lời nhanh.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 5.

GV khuyến khích HS đặt câu nhanh và lưu ý một số từ ngữ/ cấu trúc thường dùng trong câu khẳng định và câu phủ định.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS trả lời suy nghĩ và trả lời nhanh.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS nói to suy nghĩ của mình.

- HS bổ sung, nhận xét.

Sản phẩm dự kiến: Câu khắng định: Vua Quang Trung biết chắc chắn quân ta sẽ thắng.

Câu phủ định: Quân Thanh không chống cự được trước đòn tấn công của quân ta.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chốt kiến thức.

**BÀI 9**

**PHẦN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Viết được bài văn kể lại một chuyến đi và để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ, tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trong văn bản.

**2. Về năng lực:**

2.1 Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2 Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: khởi động**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu tri thức về kiểu bài** | |
| **Mục tiêu:** HS nhận biết được tri thức/ yêu cầu đối với kiểu văn bản kể lại một chuyến đi  **Nội dung:** Tri thức về kiểu bài/ yêu cầu đối với kiểu văn bản | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc phần tri thức về kiểu bài và thực hiện ghi chú lại những đặc điểm của loại văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc phần tri thức về kiểu bài trong SGK.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV đặt câu hỏi, HS tóm tắt ngắn gọn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS | **-**  **-**  **-** |
| **Phân tích kiểu văn bản** | |
| **Mục tiêu:** HS chỉ ra được các đặc điểm của kiểu bài kể lại một chuyến đi.  **Nội dung:** HS sử dụngvăn bản mẫu trong SGK để tiến hành trả lời câu hỏi.  **Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập củahọc sinh  **Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc văn bài mẫu và thực hiện các yêu cầu trang 94, 95/SGK theo nhóm (4-5 HS)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi vào giấy ghi chú (note).  - Thực hiện theo nhóm: HS thảo luận về các yêu cầu và trình bày trên giấy A3/ bảng nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- GV mời lần lượt đại diện các nhóm trả lời (mỗi nhóm 1 yêu cầu)**  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS nhóm đánh dấu, sửa bài nhóm mình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **Định hướng câu trả lời:**  Câu 1. Bài văn kể lại chuyến về thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu ở Ba Tri; mở bài: giới thiệu và cảm nhận chung của người viết về chuyến đi; kết bài: nêu cảm nhận sâu sắc và ý nghĩa của chuyến đi. Như vật đoạn mở bài, kết bài trong văn bản đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài kể lại một chuyến đi.  Câu 2. Các sự việc được kể:   * Các hoạt động trên xe di chuyển về điểm tham quan * Tham quan khu đền thờ cũ * Tham quan khu đền thờ mới, ngắm tượng cụ Đồ Chiểu; nghe giới thiệu, thuyết minh về cuộc đời cụ * Tham quan một số địa điểm khác ở khu lăng mộ, khu tưởng niệm rồi lên xe trở về.   Câu 3. Một số câu văn, từ ngữ trong VB cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm là:  *Ba chiếc xe du lịch … từ từ lăn bánh ..., bon bon chạy …*  *Đó là một khu nhà kiên cố dựng theo hình tròn thoáng đãng, mái ngói màu xanh, nền lát gạch bóng, … trần nhà trang trí hình hoa sen, cuốn thư, ngòi bút, hoa lá, hay trống đồng, …*  *Giọng cô thật truyền cảm, vừa trong trẻo vừa ấm áp*  *Trên đường về, tôi cứ nghĩ miên man …Càng nghĩ, tôi càng khâm phục …*  - Tác dụng của việc kết hợp các yếu tố trên là phát huy ưu thế của nhiều loại yếu tố, làm cho chuyến đi trở nên sinh động, lời văn vừa sáng rõ (qua việc kể diễn biến của sự việc), vừa gợi tả (miêu tả) và truyền cảm (qua biểu cảm).  Câu 4. Ý nghĩa sâu sắc của chuyến đi đươc nói ở đoạn kết. Ngôi thứ nhất giúp người viết thể hiện trực tiếp những quan sát, cảm xúc cũng như những trải nghiệm thực tế của bản thân; gây được niềm tin về tính xác thực và việc giao tiếp với người đọc cũng thuận lợi hơn, …  Câu 5. Cần sắp xếp theo trình tự thời gian, diễn biến của chuyến đi, kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; … |
| **Viết theo quy trình** | |
| **Mục tiêu:** HS biết cách viết bài văn kể lại một chuyến đi  **Nội dung:** HS viết bàivăn kể lại một chuyến đi | |
| **1. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc và trả lời theo cặp các câu hỏi ở **Bước 1.** **Chuẩn bị trước khi viết**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi vào giấy ghi chú (note).  - Thực hiện theo cặp: HS chia sẻ theo cặp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 2,3 HS đại diện trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS cùng lắng nghe ý kiến HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **Câu hỏi thảo luận theo cặp:**  - Chuyến đi nào đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc?  - Mục đích viết bài này là gì?  - Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?  - Với mục đích và người đọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào? |
| **2. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bước 2. Tìm ý và lập dàn ý theo gợi ý SGK  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân: HS đọc và thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 2,3 HS đại diện trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS cùng lắng nghe ý kiến HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | Câu trả lời của học sinh |
| **Bước 3. Viết bài**  HS viết bài cá nhân dựa trên dàn ý. | HS cần chú ý đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài |
| **Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** |  |

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một chuyến đi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu các thông tin chính của chuyến đi. |  |  |
| Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi. |  |  |
| Thân bài | Thuật lại các sự kiện diễn ra chuyến đi theo trình tự thời gian (từ khởi đầu đến kết thúc). |  |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để kể. |  |  |
| Sử dụng yếu tố miêu tả và/ hoặc biểu cảm nhằm hỗ trợ cho việc kể chuyện. |  |  |
| Kết bài | Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi. |  |  |
| Nêu cảm nhận chung hay bài học về chuyến đi. |  |  |
| Kĩ năng trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn liên kết các phần, các đoạn của bài văn kể chuyện. |  |  |

***\* Nói và nghe:***

**NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG CHÍNH ĐÃ TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VÀ TRÌNH BÀY LẠI NỘI DUNG ĐÓ**



**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1. Về kiến thức:**

**-** Quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, giao tiếp, hợp tác,…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi về một vấn đề của đời sống.

- Thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.   
**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

- Biết chia sẻ lại nội dung đã biết, đã được nghe với người khác

- Trung thực với nội dung đã trao đổi, thảo luận trước đó.

- Nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng người khác trong giao tiếp

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Giáo án;

- Phiếu học tập, bảng kiểm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề *(Thời gian: 05 phút)***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV chiếu tình huống:*  Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội:  ***Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương***  Gỉa sử sau khi tham gia xong, em phải trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe thì em sẽ thực hiện như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV yêu cầu HS trả lời.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Trong học tập và cuộc sống, không hiếm gặp những trường hợp, chúng ta được thay mặt tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề nào đó. Sau đó, các bạn phải trình bày lại nội dung chính của buổi thảo luận đó cho mọi người/cả lớp cùng nghe.  1. Để nghe và nắm bắt nội dung chính trình bày của người khác, chúng ta cần thực hiện những thao tác nào?  2. Để trình bày lại những nội dung chính mà nhóm mình đã trao đổi, thảo luận cho người khác nghe, theo em, chúng ta cần chú ý điều gì và nên thực hiện như thế nào cho hiệu quả?  Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ có điều kiện để củng cố lại kiến thức về quy trình thực hiện cũng như thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó. | - HS dựa vào kiến thức đã học ở bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (Ngữ văn 8, tập một) để trả lời. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (củng cố kiến thức quy trình (các bước) nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó – Bài 2, *Ngữ văn 8*, Tập Một)

**a. Mục tiêu:**

**-** Củng cố lại kiến thức về quy trình nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** Quy trình quy trình (các bước) *nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Nhắc lại quy trình (các bước) *nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó* mà em đã được học ở Bài 2 *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (*Ngữ văn 8*, tập một)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV yêu cầu HS trả lời.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận nhận định:** (như phần dự kiến sản phẩm) | **I. Củng cố kiến thức:** quy trình (các bước) *nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó*  *Bước 1:* Chuẩn bị nghe  *Bước 2:* Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính.  *Bước 3:* Trình bày nội dung chính đã nghe  - Vận dụng kĩ năng đã học để trình bày lại những nội dung chính đã nghe và ghi chép. Cần lưu ý:  + Xem lại bản ghi chép; các ý kiến chính và lập luận của người nói, các điểm nhấn trong cuộc trao đổi, thảo luận mà em đã dự.  + Sắp xếp nội dung ghi chép theo một trật tự mạch lạc, thuận tiện cho việc trình bày bài nói.  + Dùng bảng kiểm kĩ năng nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó để tự đánh gía kĩ năng.  + Đối chiếu những gì đạt/ chưa đạt mà em đã đánh dấu trong bảng kiểm để thấy được những tiến bộ và những điều cần hoàn thiện của em. |

**3. Hoạt động luyện tập – vận dụng:**

**a. Mục tiêu:** Thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** Nghe và trình bày lại nội dung trao đổi, thảo luận mà tổ được giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 3. Thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (thực hiện ở tiết học trước)**  - GV chia lớp làm 2 dãy với 2 nội dung được giao. GV giả định một tình huống (đã giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước)  Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội:  1. Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương (dãy A)  2. Cách ứng xử với những công trình văn hóa, lịch sử,… (dãy B)  Sau đó, trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: (thực hiện tại tiết học)**  **1. HS thực hiện phần trình bày, trao đổi, thảo luận:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ ở tiết trước, đã chuẩn bị và thực hiện phần trình bày trao đổi, thảo luận về nội dung đã được giao:  a. Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương (dãy A)  b. Cách ứng xử với những công trình văn hóa, lịch sử,… (dãy B)  **2. HS thực hiện lắng nghe và nắm bắt nội dung chính.**  - GV quan sát, hỗ trợ.  **\* Về cách thức lắng nghe và nắm bắt nội dung chính,** HS đã được học ở bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*  (Ngữ văn 8, tập một). Vì vậy, GV dựa vào nội dung hướng dẫn ở phần nghe trong SGV của bài này để tổ chức cho HS thực hiện các bước tương tự.  **\* Lưu ý HS một số điểm thuộc kĩ năng nghe**:  1. Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm; quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi.  2. Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi (kết luận, phương án giải quyết); những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khoá, cụm từ, kí hiệu, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh,...; ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi  thêm với nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV yêu cầu HS trình bày lại nội dung chính đã nghe.  - Lần lượt mỗi dãy thực hiện vài học sinh.  - GV dự kiến sản phẩm: (như phần dự kiến)  - HS trình bày nội dung chính đã được nghe, HS trong dãy cùng nội dung sẽ nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét cách trình bày, bổ sung nội dung (nếu có)  **\* Ở bước này, GV cũng lưu ý HS thực hiện như với quy trình nói đã học:**  – Khi HS chuẩn bị trình bày, lưu ý các em thực hiện một số thao tác như:  + Xem lại bản ghi chép; các ý kiến chính và lập luận của người nói, các điểm nhấn trong cuộc trao đổi, thảo luận mà HS đã tham dự.  + Sắp xếp nội dung ghi chép theo một trật tự mạch lạc, thuận tiện cho việc trình bày bài nói.  *Ví dụ*: Có thể tham khảo bảng sau để ghi chép các loại ý kiến: **đồng tình**, **phản đối** và **xu hướng chung của cuộc trao đổi, thảo luận** về đề tài: Ý nghĩa của việc hiểu những tri thức về lịch sử, địa lí địa phương đối với mỗi người.  **\* Phiếu học tập:**  - Khi HS trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận, GV nhắc HS:  + Làm rõ vấn đề nhóm đã trao đổi; vấn đề được nhiều người quan tâm; kết quả trao đổi, thảo luận (gồm: ý kiến thống nhất và chưa thống nhất giữa các thành viên, phương án giải quyết vấn đề (nếu có)); (những) băn khoăn của nhóm cần tiếp tục được xem xét, tìm hiểu, suy nghĩ thêm.  + Diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  – Sau khi HS trình bày, GV lưu ý HS:  + Chú ý lắng nghe phản hồi của người nghe.  + Giải đáp, trao đổi về những nội dung đã trình bày.  + Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng nghe và trình bày của bản thân.  - GV yêu cầu HS tự đánh giá bản thân và HS khác đánh giá phần trình bày của bạn dựa theo các tiêu chí của bản kiểm.  - GV hướng dẫn HS về nhà tiếp tục tự thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó. | **II. Thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.**  **Bước 1: Chuẩn bị nghe**  **Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính.**  **Bước 3: Trình bày nội dung chính đã nghe:**  Gợi ý dự kiến nội dung trao đổi, thảo luận:  **Dãy A:** **Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương**  - Giải thích: giá trị lịch sử là cội nguồn của dân tộc, là những yếu tố hình thành nên nền văn hóa, truyền thống do thế hệ trước gây dựng, giữ gìn, lưu truyền và được kế thừa, phát huy.  - Gía trị lịch sử làm nên giá trị riêng của mỗi đất nước, dân tộc.  - Trân trọng giá trị lịch sử là thái độ, hành vi của con người đối với những truyền thống, văn hóa lịch sử của dân tộc: học hỏi, giữ gìn, kế thừa, phát huy,…  - Ý nghĩa của việc trân trọng những giá trị lịch sử trong đời sống dân tộc:  + Thể hiện sự biết ơn với công lao của bao thế hệ đi trước đã gây dựng.  + Là sức mạnh nội tại để cá nhân và cộng đồng chung tay, góp phần đẩy lùi sự xói mòn về văn hóa, tư tưởng trong thời điểm giao lưu văn hóa toàn cầu.  + Giúp con người chủ động tìm hiểu, từ đó có nhận thức sâu rộng hơn về cội nguồn, quê hương, đất nước.  + Có ý thức, trách nhiệm về vai trò của bản thân.  + Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của dân tộc.  + …  **Dãy B: Cách ứng xử với những công trình văn hóa, lịch sử,…**  - Công trình văn hóa, lịch sử được coi là “ký ức tập thể”, là “chứng tích” của lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng.  - Đầu tiên là từ nhận thức: phải có ý thức về *giá trị di sản* và *bảo tồn di sản*. Tính nhân văn của xã hội loài người được thể hiện ở việc luôn có xu hướng tìm hiểu quá khứ và quý trọng quá khứ.  - Việc ứng xử với di sản văn hóa thể hiện thái độ của thế hệ sau đối với lịch sử và văn hóa.  + Bảo tồn di sản: giữ gìn vệ sinh, bảo vệ nguyên vẹn công trình văn hóa, lịch sử, không làm thất thoát, hư hao,...  + Nghiêm túc chấp hành những khuyến cáo của nhà nước về tham quan công trình.  + Trân trọng công trình văn hóa, phát huy, tuyên truyền về vẻ đẹp của công trình văn hóa, lịch sử đến mọi người,…  + Phục hồi di sản, tái thiết di sản.  + … |

**ÔN TẬP – BÀI 9:**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

- Hệ thống các kiến thức đã học về một số yếu tố của truyện lịch sử.

- HS nêu được nội dung bao quát của VB, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật.

***2. Về phẩm chất:***

- Trân trọng, tự hào về lịch sử, con người Việt Nam

- Trách nhiệm: Giữ gìn, phát huy những nét đẹp có tính lịch sử, văn hóa của đân tộc.

***3. Về năng lực:***

***3.1. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

***3.2. Năng lực đặc thù***

- **Năng lực ngôn ngữ:**

+ Nắm bắt nội dung các văn bản đã học.

**- Năng lực văn học:**

+ Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến, cốt truyện đa tuyến

+ Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

+ Nắm được những kĩ năng viết bài văn kể lại một chuyến đi.

+ Rút ra được những kinh nghiệm trong việc nắm bắt nội dung chính khi trao đổi, thảo luận, trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Đọc kĩ SGK, SGV, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc, tìm hiểu bài: Ôn tập ( SGK – 98). Trả lời các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠYHỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh hơn***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 9.

***1/ Tác giả của văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” là ai?***

1. Ngô gia văn phái C. Ngô Thì Chí
2. Ngô Thì Du D. Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch

***2. Truyện viên tướng trẻ và con ngựa trắng kể về nhân vật lịch sử nào?***

1. Hưng Đạo Đại Vương - Trần Quốc Tuấn
2. Hoài Văn Hầu - Trần Quốc Toản
3. Chiêu Thành Vương, chú ruột của Hoài Văn

***3. Xác định thể loại của văn bản “Bến nhà rồng năm ấy”.***

1. Truyện ngắn C.Truyện viễn tưởng
2. Tiểu thuyết D. Truyện lịch sử

***4.Trong những câu sau,câu nào là câu khiến?***

A. Mèo con đã đi học rồi sao? C. Ôi chao, nắng giòn tan!

B. Thế chúng ta đi cùng nhau vậy. D. Tiếng tù và rúc một hồi dõng dạc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27 phút)**

1. **Ôn các đặc điểm của thể loại truyện lịch sử.**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về đặc điểm của thể loại truyện lịch sử đã học.

**b. Nội dung:** HS xem lại nội dung bài học và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  ? Hãy tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện lịch mà em đã học.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể truyện lịch sử.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **d) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. | **Truyện lịch sử:**  - lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính  - Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.  **Đặc điểm của truyện lịch sử**  *- Bối cảnh (thời gian - không gian):*  *+* gắn với niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm.  *- Cốt truyện đơn tuyến* là cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất.  *- Cốt truyện đa tuyến* là cốt truyện có từ hai chuỗi sư kiện trở lên, gan với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyến truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau.  *- Cốt truyện trong truyện lịch sử:* thường sử dụng cốt chuyện đa tuyến.  *- Nhân vật trong truyện lịch sử:*  *+Nhân vật chính* thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia. Tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử. + *Nhân vật phụ* thường do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.  +*Sự hư cấu:* nhà văn sử dụng tri tưởng tượng của mình để tạo ra các chi tiết về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói,… của nhân vật chính; tạo ra các nhân vật phụ, cảnh quan, không khí lịch sử bao quanh nhân vật nhằm tái hiện, làm sống dậy các sự kiện, nhân vật trong truyện.  - *Ngôn ngữ:* thường mang đậm sắc thái lịch sử.  Nhắc HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn SGK/67-68 |

1. **Ôn lại các văn bản đã học.**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được đặc điểm của truyện lịch sử được thể hiện qua các văn bản đã học

- Hiểu được thái độ, tình cảm đối với nhân vật, sự kiện lịch sử được thể hiện qua các VB truyện lịch sử

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  - Phát phiếu học tập số 1.  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  ? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.  Phiếu học tập số 1   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bàn** | **Đặc điếm vé cốt truyện** | **Đặc điếm về nhân vật** | **Đặc điếm về bổi cảnh** | **Đặc điếm vế ngón ngữ** | | *Hoàng Lê nhất thống chí* |  |  |  |  | | *Viên tướng trẻ và con ngựa tráng* |  |  |  |  | | *Bến Nhà Róng năm ây...* |  |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2.’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’. (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận.**  **GV:**  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày.  **HS:**  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  - GV: Chiếu PP, liên hệ mở rộng kiến thức.  =>***GDĐĐ***: Giáo dục lòng yêu quý, trân trọng lịch sử và những vị anh hùng của dân tộc. | Screenshot (30)  Screenshot (31) |

1. **Chỉ ra điểm giống nhau, khác nhau giữa VB truyện lịch sử và văn bản thơ kể chuyện lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được sự giống, khác nhau về nội dung hình thức của mỗi thể loại

- Hiểu được mỗi chủ đề, nội dung có thể được trình bày, diễn đạt bằng nhiều hình thức khác nhau.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

**c.** **Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  - Phát phiếu học tập số 2.  - Giao nhiệm vụ:  ? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.  Phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | Giống nhau | Khác nhau | |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 3.’ (đọc SGK, tìm hiểu về sự giống nhau, khác nhau của VB truyện lịch sử và VB thơ viết về lịch sử (Bài: Đại Nam quốc sử diễn ca”)  - Báo cáo kết quả cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho phần trình bày của bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận.**  **GV:**  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo sản phẩm của bản thân.  - Theo dõi, nhận xét và bổ sung cho phần trình bày của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. |  |

1. **Hướng dẫn HS ôn tập các nội dung còn lại.**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết đặc điểm, chức năng các kiểu câu. Vận dụng đặt câu đúng.

- Trao đổi, trình bày kinh nghiệm viết bài văn kể lại một chuyến đi.

- Nêu được một số kinh nghiệm trong việc nắm bắt nội dung chính.

- Hiểu được ý nghĩa của lịch sử dân tộc đối với thế hệ trẻ.

**b) Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*\*\*Câu 4:**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **+ GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ.**  **- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS trình bày đặc điểm, chức năng của các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến? Cho ví dụ minh họa**  **- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- GV quan sát, hỗ trợ.**  ***Bước 3: Báo cáo kết quả .***  **- HS báo cáo kết quả**  **- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  **- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.**  **\*\*\* Câu 5, 6**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **- GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở nội dung trả lời cho các câu hỏi 5, 6 vào vở của mình. Sau đó thảo luận chung với nhóm 4 người. Sau đó giáo viên cho các nhóm bắt thăm trả lời lần lượt các câu, các nhóm còn lại nhận xét cho ý kiến. Cá nhân HS tự sửa bài vào vở.**  **- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- GV quan sát, hỗ trợ.**  ***Bước 3: Báo cáo kết quả .***  **- GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân.**  **- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  **- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.** | **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điềm** | | *Cáu kể*  *(Cáu trân thuật)* | Kế, miêu tả, thòng báo, nhận định,... | Thường kết thúc bằng dấu chấm (.). | | *Càu hỏi*  *(Cáu nghi vân)* |  | - Sử dụng các từ nghi vấn *(ai, gì, nào,* | | Dùng đế hỏi. | *tại sao, vì sao, bao giờ,...).*  - Kết thúc bằng dẵu chấm hỏi (?). | | *Câu cởm* | Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết). | - Sử dụng các từ ngữ cảm thán: *ôi, chao, chao ôi, chà, trời,...* hoặc các từ chỉ mức độ cùa cảm xúc như: *quá, làm, thật,...*  - Thường kết thúc bẳng dáu chấm than (!). | | *Câu khiến* | Yêu cáu, đé nghị, ra lệnh,... | - Sử dụng nhửng từ ngữ cáu khiến như: *hãy, đùng, chớ; đi, nào,...*  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiều câu** | **Chức nãng** | **Đậc điểm** | | *Câu khàng định* | Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đói tượng trong câu. | * Thường không có phương tiện diên đạt riêng. * Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: *không phái không, không thể không, không ai không,...* | | *Cáu phủ định* | Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chát, đói tượng trong câu. | * Thưởng sử dụng các từ ngữ phủ định như: *không, chằng, không phài, chàng phái, chà,...* * Có thể bát gặp trong câu phù định những cấu trúc: *làm gì..., mà...*   Vi dụ: *Nó làm gì biết.* |   **Câu 5: Những điều cần lưu ý khí viết bài văn kể về một chuyến đi**  - Nắm vững qui trình viết để thực hành, sử dụng bản kiểm để đánh giá bài của mình.  - Cần sắp xếp sự việc theo trình tự thời gian  - Thuật lại được diễn biến của chuyến đi với các sự việc qian trọng  - Tạo được điểm nhấn để tránh kể dàn trải, dài dòng  - Kết hợp tự nhiên các yếu tố miêu tả, biểu cảm  **Câu 6:** **Kinh nghiệm trong việc nắm bắt nội dung; thảo luận và trình bày ý kiến:**  **- Về kĩ năng nghe:** Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm, quan sát nét mặt, cử chỉ, lắng nghe giọng điệu… để nắm bắt được suy nghĩ của học về vấn đề đang trao đổi. Đồng thời nên ghi chép ngắn gọn nhưng đầy đủ những vẫn đề có nhiều ý kiến, những vẫn đề chưa thống nhất; cũng nên ghi nhanh quan điểm của cá nhân sau khi nghe các bạn trình bày.  - **Về kĩ năng nói:** nói đầy đủ, chính xác những vấn đề nhóm đã trao đổi thống nhất, xin ý kiến thêm về những vẫn đề khó, nhóm chưa thống nhất; cần diễn đạt mạch lạc, dễ hiểu. Sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài nói theo yêu cầu cần đạt |

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học và ý nghĩa, tác động của việc tìm iểu lịch sử đối với người trẻ

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập.

- HS làm bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao bài tập 7 - sgk/98)

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.

- HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.

***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét bài làm của HS.

***Gợi ý trả lời:***

“Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”, câu nói của Bác Hồ như lời nhắc nhở mỗi người chúng ta cần quan tâm nhiều hơn đối với việc tìm hiểu lịch sử của dân tộc mình. Lịch sử giúp chúng ta biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; biết và hiểu được quá trình lao động, dựng nước và giữ nước của cha ông. Tìm hiểu lịch sử còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn những gian lao và anh dũng của cha ông để tạo ra những điều tốt đẹp mà chúng ta đang thụ hưởng. Từ đó ta hình thành được ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp do con người trong quá khứ để lại. Nhờ hiểu rõ lịch sử chúng ta có thể vận dụng các bài học kinh nghiệm từ trong quá khứ để hỗ trợ, giải quyết các vấn đề của hiện tại cuộc sống. Vậy nên tìm hiểu lịch sử hoàn toàn hữu ích với mỗi người chúng ta.”

**4.HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)**

1. **Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học về những những âm vang lịch sử tác động đến em mỗi ngày.

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác và nêu lên những việc làm cụ thể của bản thân có thể làm để giữ gìn, phát huy những vẻ đẹp mang tính lịch sử của dân tộc ta.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập và vận dụng kiến thức bài học đưa ra việc làm cho bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS.

Ghi lại một sự kiện lịch sử nổi bật của dân tộc mà em nhớ nhất. Nêu suy nghĩ, nhận định của em. (làm vào vở).

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

***B4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS

* **Dặn dò: (3 phút)**
* Đối với bài học tiết này:
* Đọc lại bài, nắm kĩ các nội dung đã ôn và các bài tập đã làm.
* Đối với bài học tiết sau:
* Đọc và tìm hiểu bài: “Cười mình, cười người” (Thơ trào phúng). Tìm hiểu văn bản “Bạn đến chơi nhà”. Trả lời các câu hỏi trong phần suy ngẫm và phản hồi - SGK trang 101.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com